CTCP Đầu tư nước sạch Sông Đà (UPCOM: VCW)

FireAnt

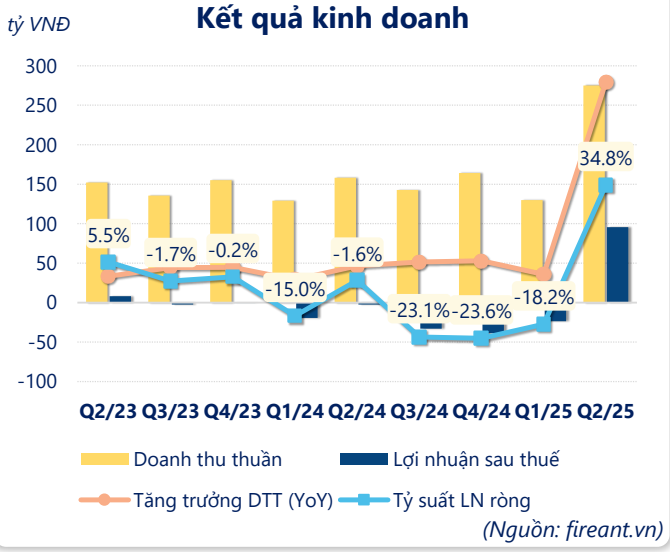
Ngày 30/06/2025	32,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.3%	-3.0%	-1.5%

ROE — Q2/25: 0.0% | +/- YoY ▲ 1.9%

	Q2/25	QoQ	YoY
DT thuần	275 tỷ VNĐ	▲ 145 ▲ 111%	▲ 117 ▲ 74.0%
LN gộp	143 tỷ VNĐ	▲ 116 ▲ 436%	▲ 101 ▲ 237%
LN thuần	95.5 tỷ VNĐ	▲ 119 ▲ 503%	▲ 98.0 ▲ 3922%
LN sau thuế	95.5 tỷ VNĐ	▲ 119 ▲ 503%	▲ 98.0 ▲ 3891%

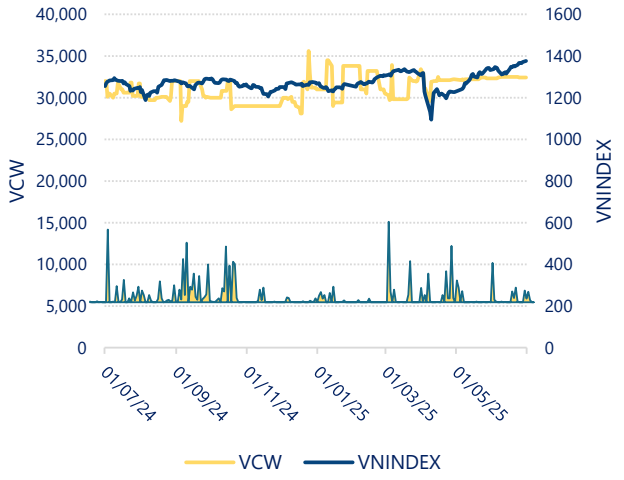
	6T 2025	YoY
DT thuần	405 tỷ VNĐ	▲ 118 ▲ 41.0%
LN gộp	169 tỷ VNĐ	▲ 98.1 ▲ 139%
LN thuần	71.9 tỷ VNĐ	▲ 93.7 ▲ 429%
LN sau thuế	71.8 tỷ VNĐ	▲ 93.7 ▲ 429%

Kết quả kinh doanh



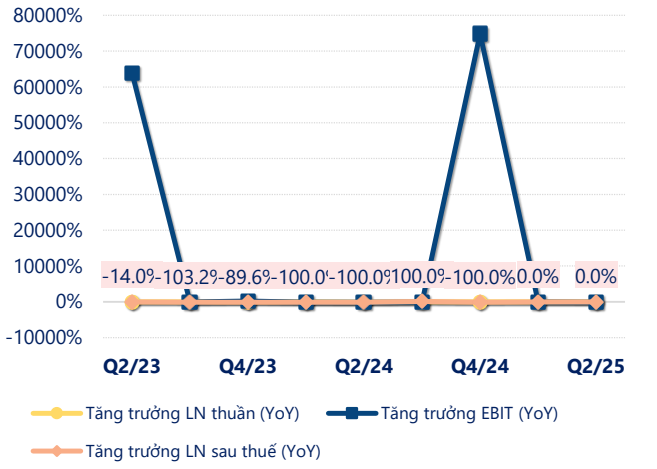
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



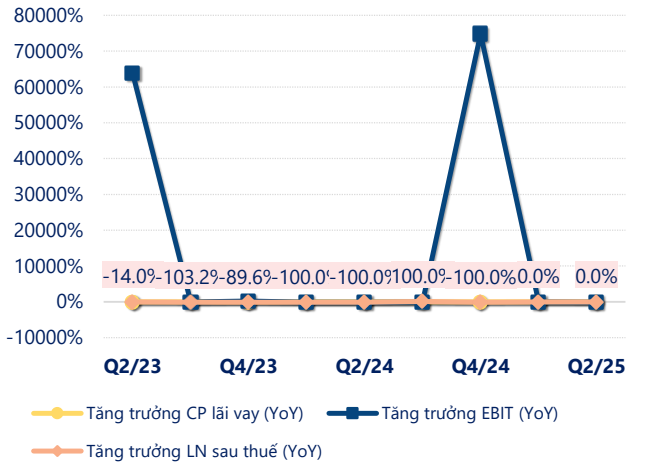
CTCP Đầu tư nước sạch Sông Đà (UPCOM: VCW)

Tăng trưởng lợi nhuận



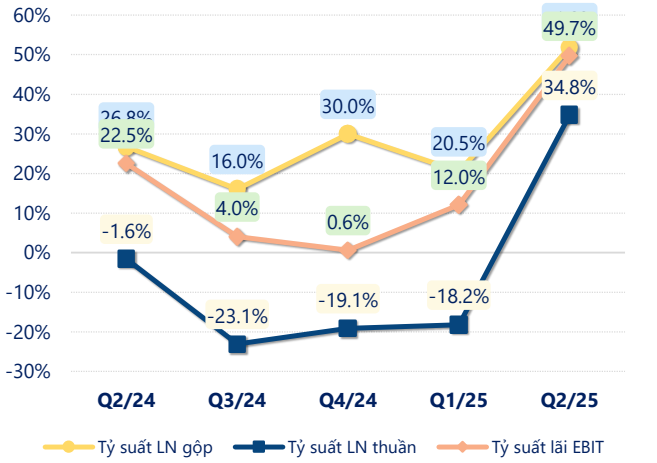
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



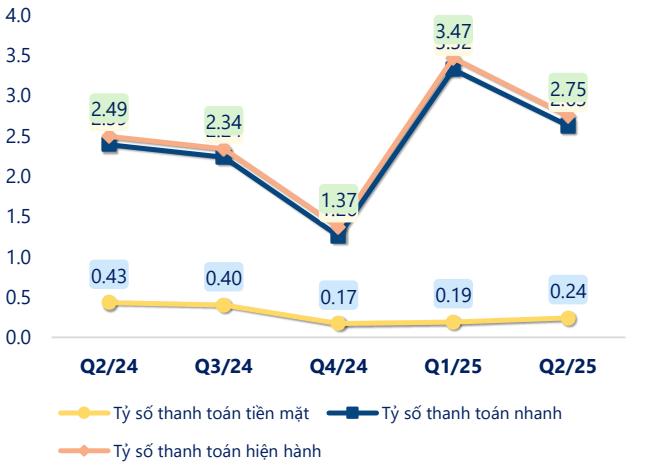
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



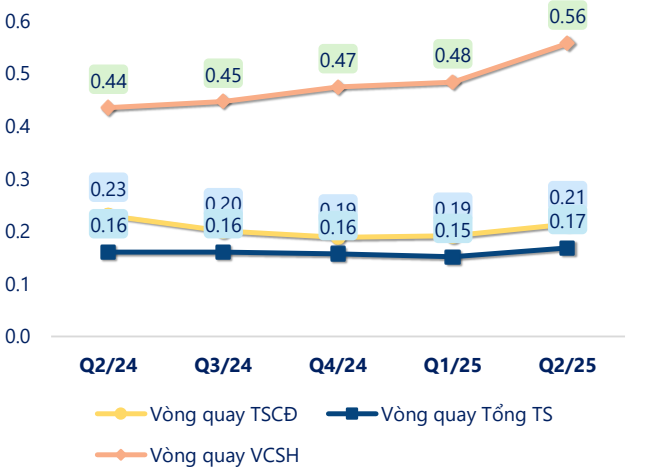
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



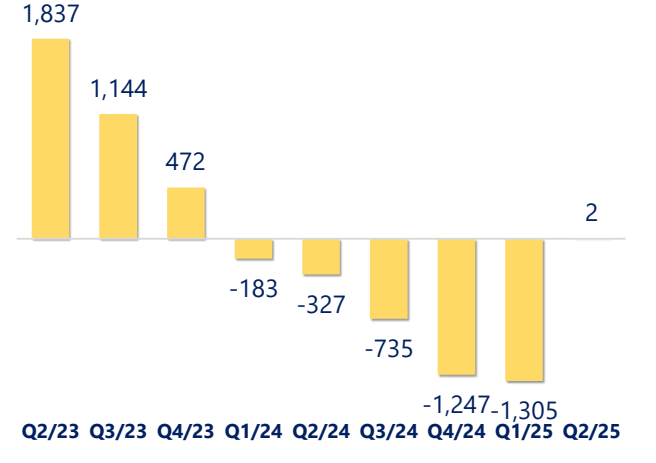
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

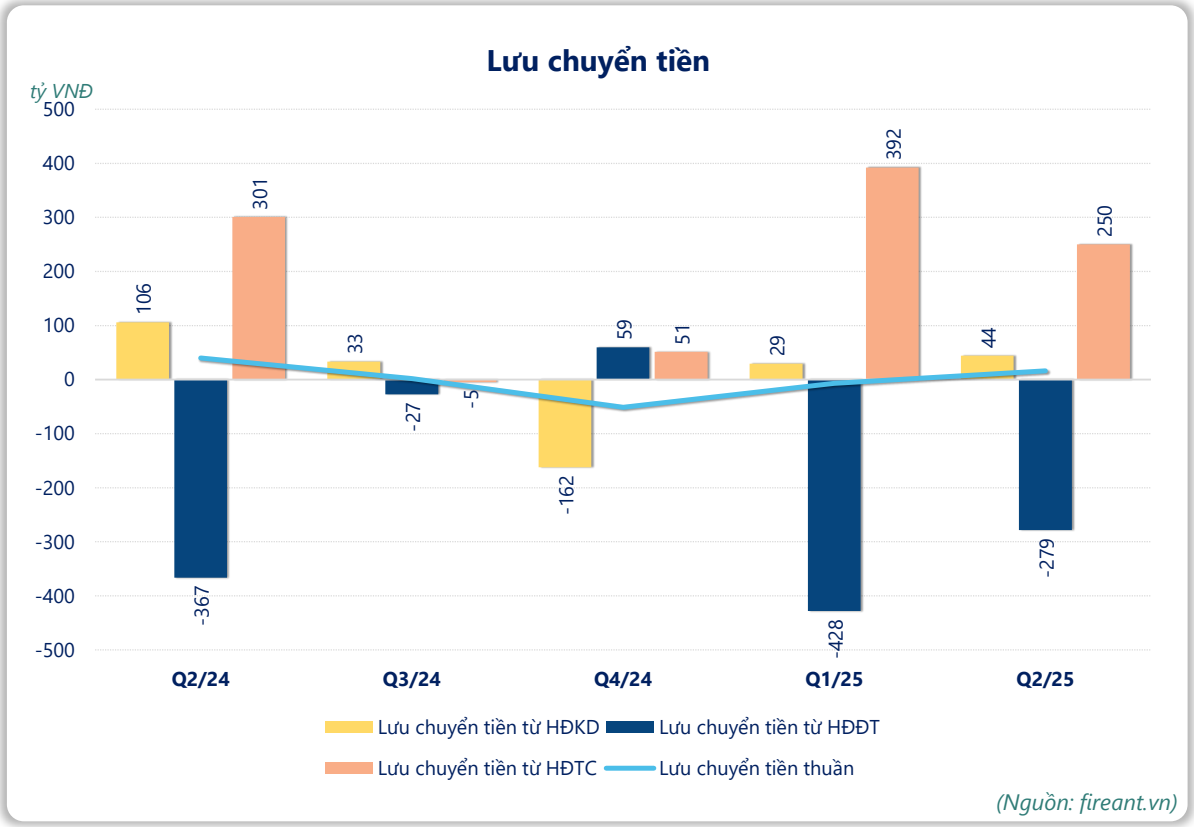


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Đầu tư nước sạch Sông Đà (UPCOM: VCW)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**275**	**158**	**74.0%**	**405**	**287**	**41.0%**
Giá vốn hàng bán	132	116	14.0%	236	216	8.9%
Lợi nhuận gộp	143	42.3	237%	169	70.9	139%
Doanh thu HĐTC	5.99	5.93	1.1%	6.01	5.94	1.2%
Chi phí TC	41.1	38.1	7.8%	80.4	76.0	5.9%
Chi phí lãi vay	41.1	38.1	7.8%	80.4	41.9	91.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**12.0**	**12.6**	**-4.9%**	**23.0**	**22.7**	**1.4%**
LN thuần từ HĐKD	95.5	-2.50	3922%	71.9	-21.8	429%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.02**	**85.6%**	**0.00**	**-0.02**	**85.6%**
LN trước thuế	95.5	-2.52	3891%	71.8	-21.9	429%
Lợi nhuận sau thuế	**95.5**	**-2.52**	**3891%**	**71.8**	**-21.9**	**429%**
LNST của CĐ cty mẹ	**95.5**	**-2.52**	**3891%**	**71.8**	**-21.9**	**429%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)